

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 21/2021/TT-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC DUY TRÌ SỐ DƯ TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc các ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi là các tổ chức tín dụng nhà nước) duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước. Các tổ chức tín dụng nhà nước không phải thực hiện quy định về duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

2. Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam (sau đây gọi là số dư tiền gửi) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước bao gồm:

a) Tiền gửi của tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam) và cá nhân tại tổ chức tín dụng nhà nước dưới các hình thức: tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi vốn chuyên dùng;

b) Tiền tổ chức tín dụng nhà nước thu được từ phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu;

c) Tiền gửi khác tại tổ chức tín dụng nhà nước theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận (trừ tiền ký quỹ; tiền gửi khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam).

Điều 4. Lãi suất số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Lãi suất số dư tiền gửi được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lãi suất số dư tiền gửi của} \\ \text{các tổ chức tín dụng nhà} \\ \text{nước tại Ngân hàng Chính} \\ \text{sách xã hội (\%/năm) (a)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lãi suất huy động vốn bình} \\ \text{quân chung của các tổ chức} \\ \text{tín dụng nhà nước (\%/năm)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Phí huy động vốn (\%/năm)} \\ \text{(c)} \end{array}$$

Trong đó:

(b) Là bình quân chung của lãi suất huy động vốn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng nhà nước, được tính toán theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

(c) Là chi phí huy động vốn bình quân do Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng nhà nước thỏa thuận nhưng tối đa là 1,3%/năm.

2. Căn cứ báo cáo số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn của các tổ chức tín dụng nhà nước theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) tính toán mức lãi suất huy động vốn bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội trước ngày 31 tháng 01 hằng năm để làm cơ sở xác định lãi suất số dư tiền gửi trong năm.

3. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) nhận được đề nghị của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc điều chỉnh lãi suất huy động vốn bình quân chung do lãi suất huy động vốn của các tổ chức tín dụng nhà nước có sự biến động lớn so với lãi suất tại thời điểm thông báo trước đó, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng nhà nước báo cáo đột xuất theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này và xem xét, quyết định điều chỉnh mức lãi suất huy động vốn bình quân chung, thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở xác định lãi suất số dư tiền gửi áp dụng đối với thời gian còn lại trong năm. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội về việc điều chỉnh hoặc giữ nguyên mức lãi suất huy động vốn bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước.

4. Kỳ tính lãi số dư tiền gửi do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với các tổ chức tín dụng nhà nước phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Điều 5. Việc gửi tiền, điều chỉnh (bổ sung hoặc rút) số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo hợp đồng tiền gửi và các phụ lục hợp đồng tiền gửi được ký giữa tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Chậm nhất ngày 01 tháng 3 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thành việc ký kết phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

a) Tổ chức tín dụng nhà nước bổ sung số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng số tiền chênh lệch lớn hơn trong trường hợp số dư tiền gửi phải duy trì trong năm thực hiện lớn hơn số dư tiền gửi của năm trước;

b) Tổ chức tín dụng nhà nước được rút bớt số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng số tiền chênh lệch nhỏ hơn hoặc tiếp tục duy trì số dư tiền gửi đang thực hiện trong trường hợp số dư tiền gửi phải duy trì trong năm thực hiện nhỏ hơn số dư tiền gửi của năm trước.

3. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm toán, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện rà soát; ký kết phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong trường hợp phát sinh chênh lệch:

a) Tổ chức tín dụng nhà nước bổ sung số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng số tiền chênh lệch lớn hơn trong trường hợp số dư tiền gửi theo báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước đã được kiểm toán lớn hơn số dư tiền gửi đang thực hiện;

b) Tổ chức tín dụng nhà nước được rút bớt số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng số tiền chênh lệch nhỏ hơn hoặc tiếp tục duy trì số dư tiền gửi đang thực hiện trong trường hợp số dư tiền gửi theo báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước đã được kiểm toán nhỏ hơn số dư tiền gửi đang thực hiện.

4. Xử lý các trường hợp bổ sung hoặc rút số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội do được kiểm soát đặc biệt, được quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt:

a) Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 145b Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Thông tư này kể từ năm tiếp theo năm tổ chức tín dụng nhà nước được Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt;

b) Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt trong khi đang duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức tín dụng nhà nước được rút toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày được kiểm soát đặc biệt.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nhà nước

a) Thực hiện duy trì, điều chỉnh số dư tiền gửi theo các quy định tại Thông tư này;

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng nhà nước báo cáo số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ);

c) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng nhà nước gửi thông báo số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Chính sách xã hội;

d) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu gửi Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Phối hợp thực hiện việc gửi tiền, điều chỉnh số dư tiền gửi theo quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả việc duy trì số dư tiền gửi của tổ chức tín dụng nhà nước theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát

ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) chậm nhất vào ngày 05 tháng 3 hằng năm;

c) Báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) kết quả việc duy trì số dư tiền gửi theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn tất việc rà soát, điều chỉnh số dư tiền gửi trên cơ sở báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước đã được kiểm toán.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ có trách nhiệm

a) Tính toán và thông báo mức lãi suất huy động vốn bình quân chung để làm cơ sở xác định lãi suất số dư tiền gửi trước ngày 31 tháng 01 hằng năm và xem xét, quyết định điều chỉnh mức lãi suất huy động vốn bình quân chung theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

b) Đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình triển khai Thông tư này.

2. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế phối hợp theo dõi tình hình duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội để phục vụ cho công tác quản lý, theo dõi và phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách nhà nước.

3. Cơ quan Thanh tra giám sát, ngân hàng có trách nhiệm

a) Theo dõi, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ kết luận thanh tra, thông báo nội dung vi phạm, việc xử lý vi phạm quy định tại Thông tư này (nếu có) tới các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước để biết, phối hợp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2022.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Thông tư số 41/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Đối với các hợp đồng tiền gửi, phụ lục hợp đồng tiền gửi được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tiền gửi, phụ lục hợp đồng tiền gửi đã ký kết hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tiền gửi, phụ lục hợp đồng tiền gửi phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ CSTT (02).

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Phạm Thanh Hà

PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

BÁO CÁO SỐ DƯ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM VÀ LÃI SUẤT HUY ĐỘNG ĐỐI VỚI TỪNG KỲ HẠN

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
NHÀ NƯỚC**

Số:

V/v báo cáo số dư nguồn vốn huy động
bằng đồng Việt Nam và lãi suất huy
động đối với từng kỳ hạn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ)

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2021/TT-NHNN, tên tổ chức tín dụng nhà nước xin báo cáo Ngân hàng Nhà nước về số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam thời điểm theo biểu dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Số dư (triệu đồng)	Lãi suất bình quân (%/năm)	Ghi chú
I	Tiền gửi			
1	Tiền gửi không kỳ hạn			
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng			
3	Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng			
4	Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
5	Tiền gửi vốn chuyên dùng			
6	Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn			

7	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 6 tháng			
8	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng			
9	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
10	Tiền gửi khác			
II	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu có thời hạn phát hành dưới 12 tháng			
1	Chứng chỉ tiền gửi			
2	Kỳ phiếu			
3	Tín phiếu			
III	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu có thời hạn phát hành từ 12 tháng trở lên			
1	Chứng chỉ tiền gửi			
2	Kỳ phiếu			
3	Tín phiếu			
4	Trái phiếu			

....., ngày ... tháng ... năm

Người lập biểu

Kiểm soát

Tổng giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập biểu:

1. Đối tượng báo cáo: Các tổ chức tín dụng nhà nước (trừ tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt).
2. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Tổ chức tín dụng nhà nước báo cáo bằng văn bản giấy theo phương thức gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử cstt6@sbv.gov.vn.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

5. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 024.38246952.



PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

THÔNG BÁO SỐ DƯ TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
NHÀ NƯỚC**

Số:

V/v thông báo số dư tiền gửi tại Ngân
hàng Chính sách xã hội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2021/TT-NHNN, tên tổ chức tín dụng nhà nước gửi Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo về số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong năm ... theo biểu dưới đây:

STT	Nội dung	Số dư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư .../2021/TT-NHNN đến 31/12 năm trước		
1.1	Tiền gửi		
1.2	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu có thời hạn phát hành dưới 12 tháng		
1.3	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu có thời hạn phát hành từ 12 tháng trở lên		
2	Số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong năm ... (2 = 1*2%)		

3	Số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến 31/12 năm trước		
---	--	--	--

....., ngày ... tháng ... năm

Người lập biểu

Kiểm soát

Tổng giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập biểu:

1. Đối tượng gửi thông báo: Các tổ chức tín dụng nhà nước (trừ tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt).
2. Đơn vị nhận thông báo: Ngân hàng Chính sách xã hội.
3. Thời hạn gửi thông báo: Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.
4. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại thông báo.

PHỤ LỤC 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2021/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC DUY TRÌ SỐ DƯ TIỀN GỬI CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20.....

V/v báo cáo kết quả việc duy trì số dư
tiền gửi

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2021/TT-NHNN, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) xin báo cáo Ngân hàng Nhà nước (NHNN) kết quả việc duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước (TCTD nhà nước) tại NHCSXH năm 20... như sau:

Theo báo cáo của các TCTD nhà nước tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư, số dư tiền gửi tại NHCSXH năm 20... là triệu đồng, chênh lệch số dư tiền gửi các TCTD nhà nước phải bổ sung (hoặc rút bớt) là.... triệu đồng.

Mức phí huy động vốn do NHCSXH và các TCTD thỏa thuận áp dụng cho năm 20... là ...%/năm. Như vậy, lãi suất huy động tiền gửi của các TCTD nhà nước tại NHCSXH áp dụng cho năm 20... là%/năm.

Đến ngày ..., tình hình duy trì tiền gửi của các TCTD nhà nước năm 20... như sau:

STT	Tên tổ chức tín dụng	Số dư tiền gửi năm trước (triệu đồng)	Số dư tiền gửi phải thực hiện năm nay (triệu đồng)	Số dư tiền gửi đến ngày báo cáo (triệu đồng)
01				
02				

03				
04				

Ngân hàng Chính sách xã hội xin báo cáo NHNN./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

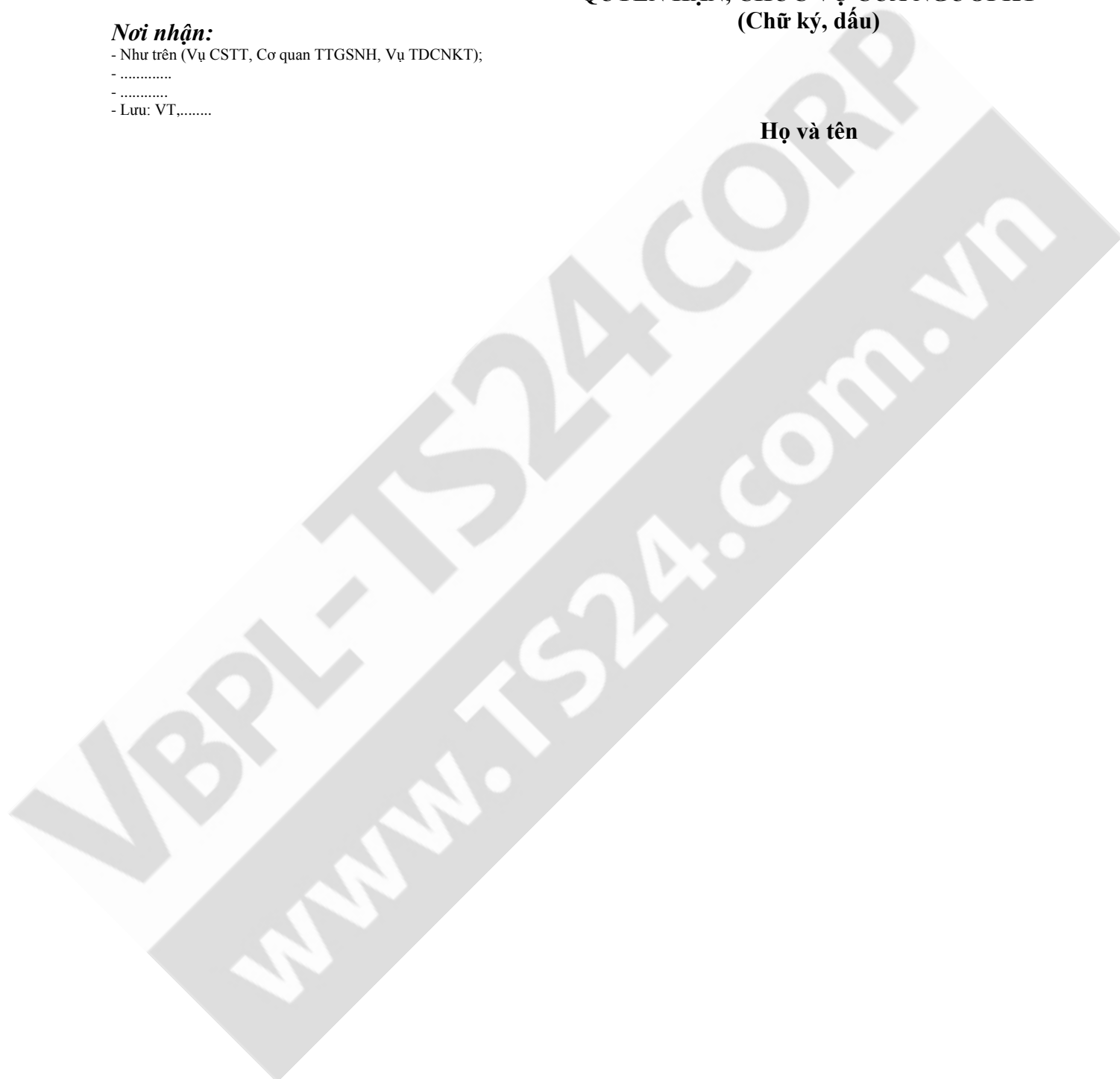
- Như trên (Vụ CSTT, Cơ quan TTGSNH, Vụ TDCNKT);

-

-

- Lưu: VT,.....

Họ và tên



PHỤ LỤC 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2021/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC DUY TRÌ SỐ DƯ TIỀN GỬI TRÊN CƠ SỞ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20.....

V/v báo cáo kết quả việc duy trì số dư tiền
gửi trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã
được kiểm toán

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2021/TT-NHNN, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) xin báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả việc duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước (TCTD nhà nước) tại NHCSXH năm 20... như sau:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của các TCTD nhà nước, đến ngày..., kết quả duy trì tiền gửi của các TCTD nhà nước năm 20... như sau:

STT	Tên tổ chức tín dụng	Số dư tiền gửi trước báo cáo tài chính được kiểm toán (triệu đồng)	Số dư tiền gửi sau khi điều chỉnh theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán (triệu đồng)
01			
02			
03			
04			

Ngân hàng Chính sách xã hội xin báo cáo NHNN./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

- Như trên (Vụ CSTT, Cơ quan TTGSNH, Vụ TDCNKT);

-

-

- Lưu: VT,.....

Họ và tên